Chi tiết mã HS 7201.10.00

Mã HS	7201.10.00
Mô tả hàng hóa	Gang thỏi và, gang kính ở dạng thỏi, dạng khối hoặc dạng thô khác / - Gang thỏi không hợp kim có hàm lượng phospho chiếm từ 0,5% trở xuống tính theo khối lượng
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	01/11/2026 17:06:43
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/72011000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10941
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10941
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q10941
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ10941
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10247
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10198
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10198
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10198
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10198
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10198
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10198
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10250
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10250

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10250
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10250
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10250
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10250
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10251
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10251
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10251
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10251
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10251
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10251
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10252
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10204
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10210
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10210
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10210
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10210
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10210
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10210
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10235
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10235
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10235
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10235
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10235
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10235
VCFTA	2022	2022	5	VC!D10288
VCFTA	2023	2023	5	VC!E10288

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10288
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10288
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10288
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10288
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10273
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10273
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10273
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10273
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10273
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10273
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10273
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10273
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10273
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10273
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10273
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10273
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10290
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10290
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10290
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10290
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10290
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10290
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10289
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10289
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10289
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10289

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10289
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10289
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10230
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10230
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10230
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10230
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10230
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10230
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10230
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10267
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10267
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10267
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10267
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10267
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10267
RCEP B	2022	2022	0	B!D10267
RCEP B	2023	2023	0	B!E10267
RCEP B	2024	2024	0	B!F10267
RCEP B	2025	2025	0	B!G10267
RCEP B	2026	2026	0	B!H10267
RCEP B	2027	2027	0	B!I10267
RCEP C	2022	2022	0	C!D10267
RCEP C	2023	2023	0	C!E10267
RCEP C	2024	2024	0	C!F10267
RCEP C	2025	2025	0	C!G10267
RCEP C	2026	2026	0	C!H10267

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I10267
RCEP D	2022	2022	0	D!D10266
RCEP D	2023	2023	0	D!E10266
RCEP D	2024	2024	0	D!F10266
RCEP D	2025	2025	0	D!G10266
RCEP D	2026	2026	0	D!H10266
RCEP D	2027	2027	0	D!I10266
RCEP E	2022	2022	0	E!D10270
RCEP E	2023	2023	0	E!E10270
RCEP E	2024	2024	0	E!F10270
RCEP E	2025	2025	0	E!G10270
RCEP E	2026	2026	0	E!H10270
RCEP E	2027	2027	0	E!I10270
RCEP F	2022	2022	0	F!D10267
RCEP F	2023	2023	0	F!E10267
RCEP F	2024	2024	0	F!F10267
RCEP F	2025	2025	0	F!G10267
RCEP F	2026	2026	0	F!H10267
RCEP F	2027	2027	0	F!I10267
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9491
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9491
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9491
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9491

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Sản phẩm gang, sắt, thép cơ bản > Gang, gang thỏi không hợp kim; gang thỏi hợp kim; gang thỏi giàu mangan, hợp kim sắt-cacbon chứa trên 6% nhưng không quá 30% mangan tính theo trọng lượng dạng khối hoặc dạng cơ bản khác. (Tham chiếu mã HS 4 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7201.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 7201.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10941), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.